

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Păng Ting Nôck

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 784/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021 và Thông báo hoãn phiên tòa số 652/TBTA ngày 13/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòn Bò, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Ngh, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòn Bò, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/11/2020, bản tự khai ngày 09/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị X trình bày: Bà và ông Bùi Văn Ngh tổ chức lễ cưới tại thành phố Đà Lạt vào năm 2008 nhưng đến năm

2010 bà và ông Ngh mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đa Phú, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn bà và ông Ngh vào Đà Lạt thuê nhà trọ sống đến năm 2013 bà X và ông Ngh mua đất tại Tổ dân phố Hòn Bò, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng của ông Lê Hoàng Nhị S, bà Nguyễn Thị Thanh T rồi làm nhà và ở tại đây cho đến nay. Quá trình chung sống bà và ông Ngh không hòa thuận, hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ngh ham mê cờ bạc bà Xuân đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông Ngh không thay đổi, ông Ngh không những không có trách nhiệm với gia đình mà còn đánh đập bà. Tính đến thời điểm khởi kiện ly hôn, bà X và ông Ngh đã sống ly thân, nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngh.

Về con chung: Bà Bùi Thị X xác định, bà và ông Ngh có 01 con chung tên Bùi Thị Thu H, sinh ngày 24/3/2009. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật, bà không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị X xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại Tổ dân phố Hòn Bò, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ly hôn bà và ông Ngh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các phiên hòa giải, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn Ngh; Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 24/3/2009 cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật, bà không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: bà X và ông Ngh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung bà X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Văn Ngh đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng tại phiên tòa, nên Tòa xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử là đúng theo quy định; Quan điểm về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X cho bà Bùi Thị X và ông Bùi Văn Ngh ly hôn; Giao con chung cho bà Xuân trực tiếp

nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thanh niên theo quy định của pháp luật; Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập; Về nợ chung bà X xác định vợ chồng bà không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn giữa bà và ông Bùi Văn Ngh đang cư trú tại: Tổ dân phố Hòn Bò, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Văn Ngh đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ngh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị X và ông Bùi Văn Ngh đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21, quyền số 01/2007 ngày 26/02/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Qua quá trình thu thập chứng cứ, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa thể hiện quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà X, ông Ngh không hòa thuận, hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ngh không có trách nhiệm với gia đình, ham mê cờ bạc. Hiện vợ chồng bà X, ông Ngh đã sống ly thân được một thời gian dài nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được do mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mặt khác, ông Ngh cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngh nhưng ông Ngh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà X và ông Ngh đã

kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, giải quyết cho bà Xuân và ông Ngh được ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị X, xử cho bà Bùi Thị X và ông Bùi Văn Ngh ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Bùi Thị X và ông Bùi Văn Ngh có 01 con chung tên Bùi Thị Thu H, sinh ngày 24/3/2009, bà Xuân yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy cháu Bùi Thị Thu H hiện đang ở với ông Ngh nhưng cháu H có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, giao con chung tên Bùi Thị Thu H, sinh ngày 24/3/2009 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của con cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Bùi Thị X xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Bùi Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203 và Điều 266; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị X, cho bà Bùi Thị X và ông Bùi Văn Ngh ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 24/3/2009 cho bà Bùi Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của con cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị X phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d bà X tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003414 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Bùi Thị X có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Bùi Văn Ngh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Chu Văn Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Păng Ting Nôck

